

MỘT SỐ KHUYNH HƯỚNG MỚI CỦA NGHIÊN CỨU TIẾP NHẬN ĐẦU THẾ KỈ XXI

HOÀNG PHONG TUẤN*

TÓM TẮT

Bài báo giới thiệu một số khuynh hướng mới trong nghiên cứu tiếp nhận đầu thế kỉ XXI. Jack Bratich xem “công chúng” như sự kiến tạo diễn ngôn. Steven Mailloux biện chứng cho một thông diễn học tu từ nơi các quy ước tu từ quy định thực hành lí giải của người đọc. Patrocínio Schweikart luận chứng cho một đạo đức học về sự quan tâm, nơi người đọc tạo ra một sự thấu hiểu biểu hiện mối quan tâm trọn vẹn và công bằng với tác giả hay văn bản.

Từ khóa: lí giải, truyền thông, thông diễn học tu từ, đạo đức học diễn ngôn.

ABSTRACT

Some new tendencies of reception studies in the early 21st century

This article introduces some new tendencies in reception studies in the early 21st century. Jack Bratich considers “the audience” as a discursive construction. Steven Mailloux defends a rhetorical hermeneutics in which the rhetorical conventions regulate the reader’s interpretive practice. Patrocínio Schweikart defends an ethics of care in which the reader produces an understanding that shows that he or she has fully and fairly considered the author/text.

Keywords: interpretation, communication, rhetorical hermeneutics, discourse ethics.

Sau gần một thập kỉ sôi động với sự ra đời và thịnh hành của trường phái Konstanz, từ cuối thế kỉ XX đến đầu thế kỉ XXI, nghiên cứu tiếp nhận đã chuyển sang khu vực Anh – Mĩ. Có thể thấy điểm nổi bật nhất của các khuynh hướng nghiên cứu tiếp nhận trong giai đoạn thứ hai này là sự nhìn nhận, phản tư trở lại các định đề của lí thuyết tiếp nhận ở các giai đoạn trước dựa trên những thành tựu nghiên cứu của các lí thuyết truyền thông hiện đại và cách đặt vấn đề về diễn ngôn của các triết gia Đức như Karl Otto Apel và Jürgen Habermas. Ngoài ra, nghiên cứu tiếp nhận của giai đoạn này cũng nêu

được những vấn đề mới từ góc độ nữ quyền luận, địa chính trị học... Nếu không quá lạc quan, có thể nói đến một sức sống mới của nghiên cứu tiếp nhận văn học đầu thế kỉ XXI.

Bài viết này có mục đích thông tin, điểm lược. Trong phạm vi tư liệu, bài viết chỉ đề cập đến lí thuyết tiếp nhận văn học được dịch và in trong các tuyển tập ở các nước Anh, Mĩ. Về mặt thời gian, tuy định hướng là những năm đầu của thế kỉ XXI, nhưng bài viết cũng lưu ý đến hành trình riêng của mỗi lí thuyết gia đến năm 2008.

1. Công chúng¹ – “một sản phẩm của các kiến tạo diễn ngôn”

Một khuynh hướng phát triển rất đáng chú ý của nghiên cứu tiếp nhận đầu thế kỉ XXI là phản tư lại định đề cơ bản

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

về vai trò tích cực, chủ động của người đọc từ góc độ diễn ngôn. Lí thuyết tiếp nhận, lí thuyết truyền thông và các lí thuyết văn hóa nhìn chung đều cho rằng trong mối quan hệ với văn bản, người đọc không thụ động, mà đóng một vai trò tích cực. Bằng việc đưa vào văn bản những kinh nghiệm sống, kinh nghiệm đọc (Jauss), hay một điểm nhìn lưu chuyển của sự hồi tưởng và sự dự phóng (Iser), người đọc đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo nghĩa cho văn bản. Từ góc độ là một chuyên gia hàng đầu về nghiên cứu truyền thông, Jack Bratich có cách đặt vấn đề khác. Trong một bài báo in năm 2005, dựa trên quan niệm bản thể học của triết gia chính trị người Ý là Negri, Bratich cho rằng công chúng thực ra là “một sản phẩm của các kiến tạo diễn ngôn” [1]. Điều mà các lí thuyết gia tiếp nhận gọi là quyền năng của người đọc, theo Negri và Bratich, vốn là một loại “quyền năng được cấu tạo”. Theo Negri, “Bản thể học không quy chiếu vào bất kì bản chất cố định nào của thế giới hay của tồn tại, mà nó quy chiếu vào quá trình qua đó thế giới và tồn tại tiếp tục được tạo tác bằng các hành vi và các thực hành” [2, tr.34]. Negri cho rằng “địa hình bản thể học” này là những kinh nghiệm thông thường được thiết lập đóng vai trò như là các tiền giả định cho bất kì các sáng tạo và tái tạo của con người. Negri truy nguyên nguồn gốc của địa hình bản thể học này và tìm thấy nó trong cộng đồng ngôn ngữ. “Sự kiện về cái đang tồn tại, xét như nó là hành vi nhận ra sự tồn tại của riêng ta, là vấn đề nhận thức được ngôn từ của riêng ta, và ngụ ý một cộng

đồng ngôn ngữ. Cộng đồng ngôn ngữ có sức mạnh vô song, ở bề sâu có lẽ nó là một cộng đồng mạnh nhất trong tất cả các cộng đồng mạnh nhất” [6, tr. 104].

Bước ngoặt bản thể học trong nghiên cứu về công chúng của Bratich xuất phát từ quan điểm cho rằng công chúng chỉ là một sản phẩm của những cấu tạo và tạo tác từ diễn ngôn bá quyền (hegemonic discourse). Kế thừa cách đặt vấn đề của Foucault, Bratich cho rằng diễn ngôn này có toàn quyền lựa chọn, hạn định, xử lí các lĩnh vực khác nhau trong thực tiễn xã hội. Vì vậy, công chúng thực ra là một ý niệm được kiến tạo liên tục từ các diễn ngôn. Đồng ý với John Hartley, Bratich cho rằng công chúng tự nó là một sự hư cấu, được sáng tạo chỉ trong các diễn ngôn. Vai trò chủ động tích cực của công chúng nằm trong phạm vi “sự trở thành tích cực xét như là việc giải mã và việc đọc”. Khái niệm “sự trở thành” (Becoming) gợi ý rằng bản thân người đọc là một tiến trình, nhưng không phải là một tiến trình biến đổi và tự biến đổi do sự tác động của văn bản, mà là một tiến trình biến đổi do sự tác động đến từ tính hệ thống của ngôn ngữ và các diễn ngôn xã hội. Sự chủ động tích cực của công chúng, xét cho cùng, có nguồn gốc từ bản thân tính hệ thống của ngôn ngữ. Bratich viết: “Tính mở cho hành vi [đọc và giải mã văn bản] đến từ các cấu trúc kí hiệu của nghĩa - kiến tạo hơn là từ các quyền năng chủ thể”; “Nói ngắn gọn, hệ thống ngôn ngữ tự nó là một quyền năng cấu tạo” [2, tr. 38].

Bằng quan niệm này, Bratich phản bác lại quan niệm về người đọc lịch sử và

người đọc thực hiệu (actual reader) trong lí thuyết tiếp nhận của Jauss và Iser ở chỗ chúng đều không chú trọng đến vai trò của diễn ngôn và ngôn ngữ xét như là sản phẩm xã hội. Trong bối cảnh các hình thức truyền thông xuất hiện vô cùng phong phú, diễn ngôn xã hội có vai trò trung giới giữa văn bản và người đọc, đồng thời, nó chính là tồn tại xã hội đang trong tiến trình “trở thành”, cấu tạo nên công chúng. Bratich cũng vượt qua quan niệm của các lí thuyết gia tiếp nhận trường phái Frankfurt cuối thế kỉ XX, khi họ cho rằng chính nền kĩ nghệ văn hóa đã tạo ra tính thụ động của công chúng, và công chúng chủ động, tích cực chống lại nền kĩ nghệ này để hình thành những lựa chọn cho thị hiếu cá nhân của riêng mình. Với Bratich, tính chủ động của công chúng không phải là hệ quả trong quan hệ với kĩ nghệ truyền thông của chủ nghĩa tư bản, mà là một chức năng của bản thân ngôn ngữ xét như một hệ thống diễn ngôn.

2. Diễn ngôn địa chính trị và hoạt động đọc

Đồng quan niệm với Bratich về vai trò có tính kiến tạo của các diễn ngôn xã hội đối với công chúng, nhưng từ góc độ thông điệp học tu từ, Steven Mailloux tiếp cận một trường hợp cụ thể của tiếp nhận văn học cho thấy sự ảnh hưởng của diễn ngôn địa chính trị đối với việc đọc. Mỗi ngữ cảnh lịch sử xã hội có các chiến lược tu từ và tu từ văn hóa hình thành nên các diễn ngôn chi phối hoạt động giao tiếp, truyền thông, đặc biệt là hoạt động lí giải và định giá văn bản văn học. Niềm tin và các chuẩn mực giá trị của người

đọc, xét cho cùng, bị chi phối bởi các chiến lược tu từ và tu từ văn hóa trong các diễn ngôn này. Các tu từ văn hóa là các phép chuyển nghĩa phối hợp với các lập luận có tính chất chính trị xã hội tạo nên những diễn ngôn nhằm tác động và thuyết phục các cá nhân trong các xã hội ấy. Chẳng hạn như quan niệm truyền thống về dân tộc Việt Nam dựa trên những tu từ văn hóa về “con Lạc cháu Hồng”, “trăm trứng nở trăm con”, hay những chiến lược tu từ trong văn học: “văn học là vũ khí, nhà văn là chiến sĩ”... Những tu từ văn hóa này không chỉ chi phối cách nghĩ mà còn chi phối cách cảm nhận, đánh giá những hiện tượng văn hóa tinh thần. Mailloux cho rằng tu từ văn hóa có một quyền lực đối với các diễn ngôn xã hội, ông gọi đó là “quyền lực tu từ”.

Trong tiểu luận có tính chất tuyên ngôn về đường hướng nghiên cứu tiếp nhận từ góc độ thông điệp học tu từ, Mailloux viết: “Thông điệp học tu từ là sự thực hành lí thuyết có từ mối giao nhau giữa dụng hành tu từ và nghiên cứu về tu từ văn hóa. [...] Thông điệp học tu từ là hình thức của các nghiên cứu tu từ văn hóa xử lí đề tài của nó như là các hoạt động lí giải có tính chất lịch sử đặc thù trong các ngữ cảnh văn hóa của các hoạt động này” [4, tr. 45, 47]. Theo quan niệm này, không chỉ hoạt động tiếp nhận mà ngay cả hoạt động nghiên cứu tiếp nhận cũng vận động bên trong các chiến lược tu từ và quy ước tu từ; hay nói khác hơn là nó vận động trong những xu hướng tu từ của cộng đồng lí giải, những cộng đồng lấy các quy chuẩn nào đó để giải thích và điều chỉnh các thực hành lí

giải trong một ngữ cảnh văn hóa xã hội cụ thể.

Trong một tiêu luận in năm 2008, Mailloux xem xét lí giải trường hợp tiếp nhận trong một ngữ cảnh văn hóa phức, nhìn ở góc độ mối quan hệ giữa đọc và tư duy. Tập trung vào trường hợp tiếp nhận và giảng dạy của Azar Nafisi về các tác phẩm văn học Mĩ ở Iran, Mailloux chỉ ra những tiếp nhận và giảng dạy của Nafisi thể hiện quan niệm của cô về mối quan hệ giữa đọc và tư duy; theo đó, cô cho rằng việc các sinh viên Iran đọc các tác phẩm văn học Mĩ có thể thay đổi tư duy của họ về chế độ toàn trị. Mailloux phân tích và chỉ ra rằng thực chất đây chỉ là quan niệm thể hiện niềm tin và hi vọng có tính chất ý thức hệ của nhà nghiên cứu về việc đọc và về các giá trị dân chủ Mĩ. Niềm tin và hi vọng của Nafisi chịu ảnh hưởng từ diễn ngôn địa chính trị có tính chất tu từ của tổng thống Mĩ Bush, khi ông nhận xét Iran là đất nước nằm trong “trục ma quỷ”.

Bằng tiến trình phân tích, Mailloux chỉ ra rằng Nafisi chịu ảnh hưởng bởi quan niệm của Hannah Arendt - một nhà văn viết về chế độ toàn trị Iran - cho rằng tư duy có vai trò tác động thức tỉnh con người. Theo Arendt, con người “có khả năng phán đoán để phân biệt giữa cái đúng và cái sai, giữa cái đẹp và cái xấu dựa vào quan năng tư duy”. Vì tư duy là “thói quen phân tích và phản tư”, nên nó là điều kiện để con người chống lại cái ác. Do một quan niệm như thế, Nafisi đặt ra yêu cầu đối với các sinh viên Iran của mình khi đọc các tác phẩm văn học Mĩ (*Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry*

Finn, Đại gia Gatsby): “Tôi nói với các sinh viên của tôi là tôi muốn họ, thông qua việc đọc của họ, hãy xem xét những cách thức mà các tác phẩm đã tra vấn họ, làm họ băn khoăn, để họ quan sát và xem xét lại thế giới bằng những con mắt khác, như Alice lạc vào xứ sở thần tiên” [5, tr. 24]. Cô đã ghi chép và nghiên cứu những phản hồi tiếp nhận từ các sinh viên Iran theo cách mà họ cảm thấy các giá trị tự do dân chủ ở Mĩ và Châu Âu đã tác động đến họ như thế nào. Trong khi đó, cũng được tiếp cận theo định hướng như trên, khác với các sinh viên Iran, các sinh viên ở Mĩ đã cho rằng định hướng của Nafisi là xa lạ với nội dung tiêu thuyết vốn không có vấn đề của địa chính trị.

Bằng việc phân tích các bằng chứng, cuối cùng, Mailloux đi đến kết luận rằng: “Hoạt động dạy và viết của Nafisi dựa trên một niềm hi vọng rằng đánh giá về giá trị văn học Châu Âu của cô có thể thắng thế nơi quê hương cô. Cách thức cô đánh giá những giá trị này hóa ra lại xác định những điều mà cô hi vọng” [5, tr. 26]. Truy nguyên về nguồn gốc chiến lược tu từ, Mailloux cho rằng chính hình ảnh ẩn dụ về “trục ma quỷ” trong diễn ngôn địa chính trị của Bush nhận xét về Iran đã tác động đến Nafisi. Hình ảnh này đã tạo ra một chiến lược tu từ chi phối việc cô giải thích ý nghĩa các đoạn văn theo hướng nó gọi mở tự do, nhằm vào việc thức tỉnh các sinh viên Iran về niềm tin thần học của họ. Quan niệm đọc của cô thể hiện niềm tin của cô rằng có một mối quan hệ giữa tư duy và đọc, đồng thời thể hiện mơ ước của cô về tác động của việc đọc; xét cho cùng,

chúng biểu hiện quan niệm có tính chất ý thức hệ của cô về các giá trị Mĩ. Qua đó, Mailloux đã chỉ ra rằng cả người nghiên cứu tiếp nhận và người tiếp nhận chịu ảnh hưởng bởi chiến lược tu từ của một diễn ngôn địa chính trị. Ở đây, Mailloux đã tiến xa hơn trong cách đặt vấn đề về tiếp nhận văn học trong bối cảnh lịch sử xã hội của lí thuyết tiếp nhận trước đó. Không chỉ bối cảnh văn hóa xã hội hay kinh nghiệm đọc, kinh nghiệm đời sống chung chung đã tác động đến tiếp nhận văn học, mà còn có những hình ảnh tu từ, như là những diễn ngôn có tính thuyết phục về thực tại đã quay lại định hướng các chiến lược sử dụng và thực hành ngôn ngữ của con người.

3. Đạo đức học của hoạt động đọc

Khi bản thân người đọc là sản phẩm của các kiến tạo diễn ngôn, thì mối quan hệ giữa người đọc và văn bản văn học không còn là mối quan hệ đơn giản, trong suốt, trong đó người đọc đến với văn bản văn học bằng các kinh nghiệm đọc và kinh nghiệm đời sống như các lí thuyết gia tiếp nhận tiền bối của trường phái Konstanz quan niệm. Nói cách khác, từ góc độ quan niệm về diễn ngôn, vấn đề giao tiếp, tiếp nhận văn học cần phải được đặt cơ sở sâu hơn.

Trong giai đoạn cuối hành trình lí thuyết của mình, Hans Robert Jauss cho rằng mối quan hệ giữa văn bản và người đọc là mối quan hệ đối thoại. Đó là cuộc đối thoại giữa bản ngã của độc giả và cái khác của văn bản. Cuộc đối thoại này diễn ra khi “tính khác biệt của văn bản (Alterität des Textes) được nhìn nhận từ chân trời những chờ đợi của riêng ta, khi

không xét đến sự hòa trộn chân trời một cách ngây thơ (naïve Horizontverschmelzung), và khi những chờ đợi của riêng ta được hiệu chỉnh và được mở rộng từ sự trải nghiệm về cái khác” [3, tr. 671]. Tuy vậy, ở đây có một vấn đề đặt ra: cơ sở nào cho thấy cuộc đối thoại này sẽ là cuộc đối thoại công bằng và đích thực để cho tính khác biệt của văn bản được hiện lên như nó vốn có? Vì lẽ văn bản không thể tự biện hộ cho mình trước những tiêu chuẩn và phán định của độc giả từ chân trời bị cấu tạo bởi các diễn ngôn quyền lực, nên cần phải có một cơ sở đạo đức tiên nghiệm, để dựa vào đó đánh giá sự tôn trọng của người đọc, chẳng hạn như sự tôn trọng đối với các văn bản viết của nữ giới. Người đặt ra vấn đề trên là Patrocínio P. Schweickart, giáo sư Anh ngữ và nghiên cứu nữ giới của đại học Purdue.

Đây là cách đặt vấn đề mà Schweickart kế thừa từ quan niệm về “đạo đức học diễn ngôn” của Karl Otto Apel và Jürgen Habermas. Theo Apel và Habermas, đạo đức học diễn ngôn đi tìm cơ sở tiên nghiệm cho đạo đức học thông qua diễn ngôn và đạo đức học cho diễn ngôn, nghĩa là tìm một điều kiện khả thể cho việc con người có thể hiểu nhau thông qua ngôn ngữ. Khôi phục lại quan niệm về diễn ngôn của Socrates trong các đối thoại, theo đó, đối thoại là cùng nhau đi tìm chân lí, không phải là giành lấy lẽ phải, đạo đức học diễn ngôn tiền giả định một “hoàn cảnh nói lí tưởng” với các nguyên tắc: bình đẳng, cởi mở, chân thực và nhân bản; vì chỉ có như thế thì con người mới có thể tin nhau, hiểu nhau và

mối quan hệ giữa con người mới không đồ võ. Schweickart chuyển vị vấn đề này vào lĩnh vực tiếp nhận văn học để tìm kiếm một cơ sở cho cuộc đối thoại công bằng và đích thực giữa văn bản và người đọc, khi văn bản, nhất là các văn bản văn của nữ giới, về thực chất là không thể tự biện hộ cho mình.

Trong một tiểu luận nổi tiếng về tiếp nhận văn học từ góc độ nữ quyền luận, Schweickart bắt đầu quan điểm của mình bằng cách phê bình lí thuyết tiếp nhận đương thời không chú trọng đến vấn đề “bản tính của chất liệu đọc”. “Nữ quyền luận tham gia vào cuộc đối thoại [để] đưa bản tính của văn bản trở về nền tảng [của nó]. Đối với nữ quyền luận, vấn đề ta đọc *như thế nào* được kết nối một cách chặt chẽ với vấn đề ta đọc *cái gì*. Hay nói một cách đặc thù hơn, nữ quyền luận nghiên cứu hành vi đọc bắt đầu với sự nhận thức rõ ràng quy chuẩn văn học là có tính trọng nam, và rằng điều này gây ra một tác hại sâu sắc đối với người đọc nữ” [7, tr. 427]. Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử kinh nghiệm của việc đọc từ góc độ nữ giới, Schweickart rút ra hai hướng kết luận cho tiếp nhận các văn bản văn học của người nữ từ góc độ nữ quyền luận.

Hướng kết luận thứ nhất, phát triển trên cách đặt vấn đề của Iser, Schweickart cho rằng quá trình cụ thể hóa “các khía cạnh được lược đồ hóa” của văn bản do người nữ viết là quá trình “phi nam tính” do người đọc nữ thực hiện. “Quá trình phi nam tính tiềm tàng sẵn trong văn bản, nhưng quá trình này chỉ có được sự hiện thực hóa của nó

thông qua hành vi đọc của người đọc” [7, tr. 435]. Điều này có nghĩa là bản tính nữ quyền của văn học chỉ được người đọc hiện thực hóa trong quá trình đọc. Ta đến với văn bản do người nữ viết phải trong tâm thế của một người đọc nữ quyền, nghĩa là ta phải để cho văn bản nói lên tiếng nói đích thực của nó, tiếng nói nữ quyền, tiếng nói chống lại sự bá quyền của nam giới. Điều này dẫn đến hướng kết luận thứ hai của Schweickart nhằm nhấn mạnh đến vai trò chính của người viết nữ và người đọc nữ trong tiếp nhận văn học theo khuynh hướng nữ quyền; vai trò đó biểu hiện trong hai đặt định của việc đọc: tính pháp lí và tính đối thoại của văn bản. “Đặt định thứ nhất là tính pháp lí: người đọc nữ làm chứng cho lời biện hộ của người nữ khác; đặt định thứ hai là tính đối thoại: hai người nữ cam kết với nhau trong một cuộc hội thoại thân tình” [7, tr. 439]. Cuộc đối thoại giữa văn bản và người đọc trong hoạt động đọc nữ quyền không phải là cuộc đối thoại áp đặt từ bên ngoài bởi người đọc, vì cái mà người đọc tiếp xúc không phải là một văn bản đơn thuần, mà đó là một “khách thể được chủ thể hóa”, một “trái tim và tâm hồn của người phụ nữ khác”.

Trong hai bài tiểu luận in năm 2008, Schweickart phát triển xa hơn ý niệm về quan hệ đối thoại giữa văn bản và người đọc khi cho rằng đây là “mối [quan hệ] tương tác bất tương xứng” giữa những tác nhân có vai trò khác nhau trong cuộc đối thoại: vai trò biểu tả của nói và viết và vai trò tiếp nhận của nghe và đọc [8]. Phê bình quan điểm lí thuyết

truyền thông và đạo đức học diễn ngôn của Habermas về đối thoại, Schweickart cho rằng đối thoại trong hiện thực thực chất không phải là đối thoại giữa những người nói: “tôi nói, anh nói” như Habermas quan niệm, mà là đối thoại giữa: “tôi nói, anh nghe” – “anh nói, tôi nghe”. Mỗi quan hệ đối thoại thực sự là mỗi tương tác bất tương xứng, nghĩa là phải có một người thực hiện hành động không nói, ngừng, chờ đợi, để lắng nghe lời nói từ phía người còn lại.

Schweickart cũng phê bình quan niệm của lý thuyết tiếp nhận truyền thống ở chỗ nó cho rằng đối thoại giữa văn bản và người đọc là một cuộc đối thoại liên chủ thể, mở rộng chân trời tiếp nhận của người đọc. Theo Schweickart, người đọc không đối diện với chủ thể nào khác, mà chỉ đối diện với văn bản. Do đó, “Văn bản ngăn chặn người đọc khỏi sự kết nối với bất kỳ chủ thể nào khác mà chỉ còn kết nối với [riêng anh ta hoặc] cô ta mà thôi” [9, tr. 11]. Schweickart cho rằng, trong cuộc đối thoại này, văn bản là tiếng nói đã được cất lên của tác giả, người đọc đọc văn bản, nhưng lắng nghe tiếng nói ấy. Vì vậy, người đọc phải trong tâm thế lắng nghe, nghĩa là, như Sartre nói, người đọc vừa tự do trước văn bản nhưng vừa bao dung trong quan hệ với văn bản.

Kế thừa tư tưởng của Nel Noddings trong “đạo đức học về sự quan tâm”, Schweickart cho rằng mối quan hệ giữa người đọc và văn bản như mối quan hệ giữa người quan tâm và người được quan tâm [9, tr. 14]. Trong mối quan hệ này, vai trò của người đọc với tư cách người quan tâm có những đặc điểm như sau:

- Sự chú tâm: đó là khi ta mở lòng mình ra, hướng tới người được quan tâm, như người mẹ đang dỗ đứa con đang khóc. Điều này biểu hiện cho một sự tiếp nhận toàn tâm toàn ý.

- Sự di chuyển động lực: khi ta chăm sóc, quan tâm người đến khác, đó là lúc ta di chuyển năng lực của ta vào người khác, để hiểu người khác cần gì và muốn gì. Đây là một hình thức đồng nhất hóa ý chí, động cơ và ước muốn của người tiếp nhận vào đối tượng tiếp nhận.

- Sự vun bồi tính hai mặt trong viễn tượng (perspective) của mỗi cá nhân²: ta quan tâm đến người khác, nhưng ta cũng giữ lại cái gì riêng có của ta. “Sự quan tâm sâu sắc đòi hỏi sự sao đôi của bản ngã, người quan tâm hiến dâng một phần mình để đón nhận người được quan tâm và bảo lưu phần còn lại để duy trì viễn tượng riêng của cô ta” [9, tr. 14]. Đó là một cái nhìn vừa đồng nhất hóa mình vào văn bản, nhưng vừa giữ một góc nhìn khác với văn bản.

Căn cứ vào cơ sở đạo đức học về sự quan tâm của việc đọc, Schweickart cho rằng phê bình văn học, và qua đó là mối quan hệ giữa người đọc và văn bản, thay vì tìm đến một sự đồng thuận hay bất đồng thuận như Habermas hay Lyotard quan niệm, thì nên hướng đến một cấp độ cao hơn, nơi đó, người đọc trở nên hiểu biết, quan tâm, công bằng và có trách nhiệm với văn bản.

Có thể thấy, tuy kế thừa cách đặt vấn đề của Apel và Habermas trong lĩnh vực giao tiếp và tiếp nhận văn học, nhưng Schweickart đã khai triển sâu hơn và đi đến đối thoại với các bậc tiền bối ở một

vài điểm. Nỗ lực của Schweickart là đưa vào lí thuyết tiếp nhận một chiều kích thực hành mới, chiều kích đạo đức học. Gắn bó với đường hướng nữ quyền luận, quan niệm của Schweickart về việc đọc đậm đà bản chất nữ tính: người đọc đến với văn bản trước hết không phải với tư cách một nhà khoa học thao tác trên đối tượng bằng các công cụ tư duy và thao tác phân tích có tính chất kĩ thuật, mà với tư cách một người mẹ, người nữ biết lắng nghe, chia sẻ, quan tâm, thấu hiểu đối với tất cả mọi văn bản. Quan niệm này đào sâu hơn vấn đề chân trời chờ đợi của người đọc khi đến với văn bản trong lí thuyết tiếp nhận của Jauss. Hay nói cách khác, chân trời chờ đợi ở đây không chỉ đặt cơ sở trên kinh nghiệm đọc hay kinh nghiệm sống; mà như đạo đức học diễn ngôn của Habermas, cơ sở tiên nghiệm của chân trời chờ đợi phải là các nguyên tắc đạo đức học của hành động đọc. Đó mới chính là tiền đề cho một sự đối thoại thực sự giữa người đọc và văn bản, thay

cho quan niệm về sự đối thoại mà Schweickart cho là “giả tạo” của các lí thuyết tiếp nhận trước đó.

4. Nhìn chung, các khuynh hướng nghiên cứu tiếp nhận đầu thế kỉ XXI kế thừa đường lối của các vị tiền bối trước đó: chuyển vị các cách đặt vấn đề của các thành tựu lí thuyết đương đại vào giải quyết các vấn đề của lĩnh vực lí thuyết tiếp nhận. Với nỗ lực ấy, khuynh hướng phát triển lí thuyết tiếp nhận dựa trên cách đặt vấn đề từ góc độ nghiên cứu diễn ngôn không chỉ xem xét lại các định đề chính của lí thuyết tiếp nhận trước đó, mà cũng đưa thêm vào những góc độ mới, gợi mở những hướng suy tư lí thuyết trên bình diện mới: truyền thông, ngôn ngữ, đạo đức học. Và cuối cùng, khi nỗ lực suy tư trong phạm vi cụ thể của mình, những khuynh hướng này quay lại thảo luận, đối thoại với quan điểm triết học mà nó đã lấy làm tiền đề, như hành trình của Schweickart đối thoại với Habermas.

¹ Khái niệm “audience” có gốc từ sân khấu, nghĩa là số đông khán-thính giả. Có sự khác biệt nhất định giữa hai khái niệm “audience” và “reader”. Trong bài này, chúng tôi tạm dịch “audience” là “công chúng” để chỉ số đông người đọc, tập thể người đọc, “reader” là “người đọc”, để chỉ một cá thể người đọc.

² “Perspective” có cách dịch khác trong hội họa là “phối cảnh”. Khái niệm này khởi nguồn từ Nietzsche, được dùng rất phổ biến trong lí thuyết tiếp nhận. Viễn tượng chỉ một trường nhìn lý giải ý nghĩa văn bản và cuộc sống từ một quan điểm cá nhân. Nietzsche cho rằng toàn bộ tri thức đều mang tính viễn tượng và bao gồm những sự lý giải từ điểm nhìn của ta hoặc của người khác. Bởi vì không có một điểm nhìn phổ quát và trung lập từ đó ta nhận một tri thức khách quan. Theo Nicholas Bunnin and Jiyuan Yu (chủ biên), 2004, *The Blackwell Dictionary of Western Philosophy*, trang 514.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jack Bratich (2005), “Amassing the Multitude: Revisiting Early Audience Studies”, *Communication Theory*, no.15 (2005).
2. Jack Bratich (2008), “Activating the Multitude: Audience Powers and Cultural Studies”, *New Directions in American Reception Study*, Oxford University Press.

(Xem tiếp trang 49)

3. Hans Robert Jauß (1991), *Ästhetische Erfahrung und literarische Hermeneutik*, Suhrkamp, Frankfurt am Main, Germany.
4. Steven Mailloux (2001), “Interpretation and Rhetorical Hermeneutics”, in trong *Reception Study: From Literary theory to Cultural Studies*, James L. Machor và Philip Goldstein tuyển chọn, Routledge.
5. Steven Mailloux (2008), “Judging and Hoping: Rhetorical Effect of Reading about Reading”, in trong *New Directions in American Reception Study*, Oxford University Press.
6. Antonio Negri (2004), *Negri on Negri*, DeBevoise dịch, Routledge, Great Britain.
7. Patrocinio P. Schweickart (2000), “Reading ourselves: Toward a feminist theory of reading”, in trong *Modern Criticism and Theory: A Reader*, Edinburgh, UK.
8. Patrocinio P. Schweickart (2008), “The receiving Function: Ethics, Communication, and Reading”, in trong *Reception: Texts, Readers, Audiences, History*, Vol. 1 (Fall, 2008), Reception Study Society.
9. Patrocinio P. Schweickart (2008), “Understanding and Other: Reading as a Receptive Form of Communicative Action”, trong *New Directions in American Reception Study*, Oxford University Press.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-8-2012; ngày phản biện đánh giá: 21-9-2012;
ngày chấp nhận đăng: 26-11-2012)